



**Công ty Cổ phần DATVIET VAC  
Group Holdings và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2024



**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Doanh nghiệp số**

0315744468

ngày 20 tháng 9 năm 2019

0315744468 (điều chỉnh lần 8)

ngày 15 tháng 4 năm 2024

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Đinh Bá Thành  
Ông Đào Văn Kính  
Ông Hoàng Trọng Khải  
Ông Thng Tien Tat

Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Đinh Bá Thành  
Ông Hoàng Trọng Khải

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện  
theo Pháp luật**

Ông Đinh Bá Thành

**Trụ sở đăng ký**

Số 222 Đường Pasteur  
Phường Xuân Hòa  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con Báo cáo của Ban Giám Đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 7 năm 2025

*Mu*

*22*

15/7/25  
H  
H  
H



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG  
Tầng 10, Tòa nhà Sun Wah  
115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 7 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 44.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

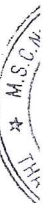
Báo cáo kiểm toán số: 24-01-00223-25-4



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Quỳnh Nhung  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 6960-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 7 năm 2025



**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024**

Mẫu B 01 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>2.112.285.099.721</b>	<b>1.943.668.145.303</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>474.044.554.258</b>	<b>550.124.934.415</b>
Tiền	111		267.509.426.187	133.279.986.619
Các khoản tương đương tiền	112		206.535.128.071	416.844.947.796
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>103.194.918.749</b>	<b>111.747.583.634</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	103.194.918.749	111.747.583.634
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.249.838.215.272</b>	<b>946.211.256.586</b>
Phải thu của khách hàng	131	6	1.184.370.663.637	890.294.470.399
Trả trước cho người bán	132	7	53.462.479.084	42.739.705.589
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	20.924.290.945	21.991.778.992
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(8.919.218.394)	(8.814.698.394)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>231.780.929.166</b>	<b>289.958.633.695</b>
Hàng tồn kho	141		234.490.751.226	289.958.633.695
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.709.822.060)	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>53.426.482.276</b>	<b>45.625.736.973</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14 (a)	17.065.426.465	13.281.235.955
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		33.655.269.717	29.515.212.677
Thuế phải thu Nhà nước	153		2.705.786.094	2.829.288.341
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>287.404.213.193</b>	<b>270.309.000.654</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.085.243.929</b>	<b>4.560.497.862</b>
Phải thu dài hạn khác	216		4.085.243.929	4.560.497.862
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>116.455.423.799</b>	<b>54.257.057.714</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	13.727.273.963	19.118.153.238
Nguyên giá	222		90.041.526.127	86.074.210.675
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(76.314.252.164)	(66.956.057.437)
Tài sản cố định vô hình	227	12	102.728.149.836	35.138.904.476
Nguyên giá	228		280.557.236.050	170.399.919.999
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(177.829.086.214)	(135.261.015.523)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>46.205.987.324</b>	<b>98.615.897.342</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	46.205.987.324	98.615.897.342
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>15</b>	<b>102.799.999.999</b>	<b>102.799.999.999</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252		102.379.999.999	102.379.999.999
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		420.000.000	420.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>17.857.558.142</b>	<b>10.075.547.737</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	4.515.060.636	5.850.800.546
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	13.342.497.506	4.224.747.191
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.399.689.312.914</b>	<b>2.213.977.145.957</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

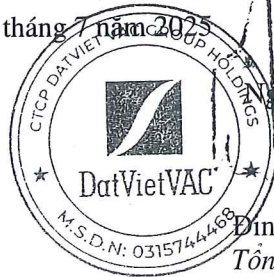
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.380.344.553.122</b>	<b>1.050.642.072.941</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.373.494.640.357</b>	<b>1.043.550.932.881</b>
Phải trả người bán	311	17	515.027.331.800	495.312.799.152
Người mua trả tiền trước	312		9.856.483.634	11.937.900.487
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18	100.465.931.775	70.381.665.058
Phải trả người lao động	314		21.939.282.956	25.118.322.279
Chi phí phải trả	315	19	195.632.198.894	105.456.081.278
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	111.714.658.703	10.630.256.558
Phải trả khác	319	21	24.569.336.184	56.185.888.777
Vay ngắn hạn	320	22	394.289.416.411	268.528.019.292
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.849.912.765</b>	<b>7.091.140.060</b>
Dự phòng dài hạn	342		6.849.912.765	7.091.140.060
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.019.344.759.792</b>	<b>1.163.335.073.016</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>1.019.344.759.792</b>	<b>1.163.335.073.016</b>
Vốn cổ phần	411	24	653.291.450.000	649.233.740.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		653.291.450.000	649.233.740.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		243.314.409.330	186.162.299.330
Quỹ đầu tư phát triển	418		162.621.350	162.621.350
Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	421		88.478.612.495	254.818.058.909
- (Lỗ lũy kế)/LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		(55.899.093.077)	150.100.475.537
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	421b		144.377.705.572	104.717.583.372
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		34.097.666.617	72.958.353.427
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.399.689.312.914</b>	<b>2.213.977.145.957</b>



Ngày 11 tháng 7 năm 2025

Người lập:

Lê Thị Hồng Hoa  
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

Đình Bá Thành  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

*Handwritten mark*

*Handwritten signature*

11  
 11  
 NG  
 KF  
 40

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2024**

Mẫu B 02 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND (Phân loại lại)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	3.824.508.799.727	3.411.566.570.003
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	73.466.796.335	19.492.225.852
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>26</b>	<b>3.751.042.003.392</b>	<b>3.392.074.344.151</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	3.097.675.898.153	2.813.763.943.766
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>653.366.105.239</b>	<b>578.310.400.385</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	24.715.077.950	35.265.816.617
Chi phí tài chính	22	29	15.770.940.770	11.294.434.651
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		10.340.116.572	4.632.077.661
Chi phí bán hàng	25	30	89.522.572.824	60.634.041.973
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	341.928.889.577	340.266.976.112
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>230.858.780.018</b>	<b>201.380.764.266</b>
Thu nhập khác	31		4.084.905.221	5.267.409.702
Chi phí khác	32		6.510.566.448	3.284.275.654
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(2.425.661.227)</b>	<b>1.983.134.048</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>228.433.118.791</b>	<b>203.363.898.314</b>
Chi phí thuế TNDN	51	33	94.793.487.963	85.130.590.788
<b>Lợi ích thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>33</b>	<b>(9.117.750.315)</b>	<b>(795.146.631)</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>142.757.381.143</b>	<b>119.028.454.157</b>



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 02 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b> (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		142.757.381.143	119.028.454.157
<b>Phân bổ cho:</b>				
Chủ sở hữu Công ty	61		144.377.705.572	104.717.583.372
Cổ đông không kiểm soát	62		(1.620.324.429)	14.310.870.785
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	34	2.213	1.614

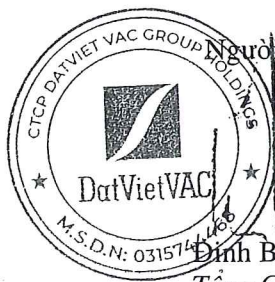


Ngày 11 tháng 7 năm 2025

Người lập:

Lê Thị Hồng Hoa  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đinh Bá Thành  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

MU

8

10/1  
 VI-  
 NH  
 11/1

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>228.433.118.791</b>	<b>203.363.898.314</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		52.071.709.482	38.272.636.900
Các khoản dự phòng	03		2.573.114.765	(509.235.000)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(194.002.437)	(361.887.209)
Lãi tiền gửi	05		(14.515.430.489)	(23.163.903.476)
Lỗ từ các hoạt động đầu tư	05		2.053.258.664	928.583.630
Chi phí lãi vay	06		10.340.116.572	4.632.077.661
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>280.761.885.348</b>	<b>223.162.170.820</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(310.114.715.681)	30.947.455.154
Biến động hàng tồn kho	10		55.467.882.469	36.374.503.825
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		203.141.863.456	132.662.277.472
Biến động chi phí trả trước	12		(2.448.450.600)	5.340.441.968
			<b>226.808.464.992</b>	<b>428.486.849.239</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(9.921.615.215)	(4.175.819.219)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	15		(70.385.645.568)	(87.328.808.647)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>146.501.204.209</b>	<b>336.982.221.373</b>



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(63.913.424.213)	(68.291.020.183)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23		(500.146.937.314)	(394.729.989.519)
Tiền thu gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24		508.699.602.199	313.372.889.505
Tiền chi mua cổ phần từ cổ đông không kiểm soát	25		(273.098.012.804)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		3.177.109.595	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		17.357.366.624	23.163.903.476
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(307.924.295.913)</b>	<b>(126.484.216.721)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ nhận góp vốn	31		68.485.120.000	1.681.550.000
Tiền thu từ đi vay	33		992.887.203.933	760.161.406.041
Tiền trả nợ gốc vay	34		(867.125.806.814)	(557.275.954.475)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu và cổ đông không kiểm soát	36		(109.097.808.009)	(350.000.497.700)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>85.148.709.110</b>	<b>(145.433.496.134)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(76.274.382.594)</b>	<b>65.064.508.518</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>550.124.934.415</b>	<b>485.047.834.593</b>
<b>Chênh lệch tỷ giá đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>		<b>194.002.437</b>	<b>12.591.304</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>474.044.554.258</b>	<b>550.124.934.415</b>

Ngày 11 tháng 7 năm 2025

Người lập:

Lê Thị Hồng Hoa  
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

Đình Bá Thành  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán và pháp lý).

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn có 4 công ty con sở hữu trực tiếp, 17 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2024: 2 công ty con sở hữu trực tiếp, 16 công ty con sở hữu gián tiếp, và 1 công ty liên kết) như sau:

STT	Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	31/12/2024		1/1/2024	
			% quyền biểu quyết sở hữu	% tỷ lệ quyền biểu quyết sở hữu	% quyền biểu quyết sở hữu	% tỷ lệ sở hữu
<b>Công ty con sở hữu trực tiếp</b>						
1	Công ty Cổ phần DATVIET VAC Entertainment (trước đây là Công ty Cổ phần DATVIET VAC M&E) (“DVMEG”)	Cung cấp các dịch vụ quảng cáo, tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính – kế toán), nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận, tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.	99%	99%	99%	99%
2	Công ty Cổ phần DatViet VAC Digital Ventures (“DQDV”)	Tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán và pháp lý), nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.	99%	99%	99%	99%
3	Công ty Cổ phần Datviet VAC Media (“DVVM”) (i)	Tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán và pháp lý), nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.	99%	99%	-	-
4	Công ty Cổ phần Datviet VAC Vision (“DVVV”) (i)	Tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán và pháp lý), nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.	99%	99%	-	-

(i) Vào ngày 26 tháng 12 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của DVMEG đã thông qua quyết định về tài sản được tách cùng với cổ phần được tách từ DVMEG gồm VND311.474.870.000 cho DVVM (trong đó gồm 1.979.990 cổ phần tương đương với VND238.181.429.936 của Công ty Cổ phần Dat Viet Media, 197.990 cổ phần tương đương với VND2.013.440.001 của Công ty Cổ phần TKL và 594.000 cổ phần tương đương với VND71.280.000.000 của Công ty Cổ phần Dat Viet OOH) và 890.990 cổ phần tương đương với VND122.391.140.000 của Công ty Cổ phần Truyền thông TK-L cho DVVV. Theo biên bản họp, thời gian thực hiện tách công ty có hiệu lực từ ngày 31 tháng 12 năm 2024. Tại ngày lập báo cáo này, DVMEG, DVVM và DVVV đã hoàn thành các thủ tục để điều chỉnh Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp.

004  
/ 2-0  
IÁN  
/ TP  
AG

1/2/2025

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	31/12/2024		1/1/2024	
			% quyền biểu quyết	% tỷ lệ sở hữu	% quyền biểu quyết	% tỷ lệ sở hữu
<b>Công ty con sở hữu gián tiếp</b>						
1	Công ty Cổ phần Dat Viet Media ("DVM") (iii) (v)	Cung cấp dịch vụ quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá) và dịch vụ tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	99%	98,01%	69%	68,31%
2	Công ty Cổ phần VIE CHANNEL ("VIE CHANNEL") (i)	Cung cấp dịch vụ quảng cáo; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình; cung cấp dịch vụ hậu kỳ, tổ chức các hoạt động giới thiệu và xúc tiến thương mại; và cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	99%	98,01%	99%	98,01%
3	Công ty Cổ phần Truyền thông TK-L ("TK-L") (iv) (v)	Cung cấp dịch vụ thiết kế tạo mẫu trên máy vi tính, sản xuất và phát hành phim ảnh và phim video, hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật), kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại và dịch vụ chiếu phim.	99%	98,01%	69%	68,31%
4	Công ty Cổ phần Dong Tay Promotion ("DTP") (i) (v)	Cung cấp quảng cáo thương mại, quảng cáo ngoài trời và quảng cáo qua các phương tiện truyền thông, cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	99%	98,01%	69%	68,31%
5	Công ty Cổ phần Dat Viet OOH ("OOH") (iii)	Cung cấp các dịch vụ quảng cáo, tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, hoạt động hậu kỳ (trừ sản xuất phim), hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình và dịch vụ bán quyền tác giả.	99%	98,01%	99%	98,01%
6	Công ty Cổ phần TKL ("TKL") (iii) (v)	Cung cấp dịch vụ quảng cáo thương mại và quảng cáo trên màn hình.	99%	98,01%	69%	68,31%
7	Công ty Cổ phần M&T Pictures ("MTP") (i)	Sản xuất và bán phim.	99%	98,01%	99%	98,01%

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	31/12/2024		1/1/2024	
			% quyền biểu quyết	% tỷ lệ sở hữu	% quyền biểu quyết	% tỷ lệ sở hữu
<b>Công ty con sở hữu gián tiếp</b>						
8	Công ty TNHH Tiếp thị và Quảng cáo Đất Việt VAC ("DDB") (i)	Cung cấp dịch vụ quảng cáo, tiếp thị và kinh doanh thương mại.	100%	98,50%	100%	98,50%
9	Công ty Cổ phần Nomad Management Vietnam ("NOM") (i)	Cung ứng diễn viên, người mẫu và lao động các ngành nghệ thuật, tổ chức sự kiện, giới thiệu và xúc tiến thương mại.	99%	98,01%	99%	98,01%
10	Công ty Cổ phần Karisma Looks ("KAR") (vi)	Cung cấp dịch vụ giáo dục văn hóa nghệ thuật, tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, hoạt động sắc tác, nghệ thuật và giải trí	-	-	99%	98,01%
11	Công ty Cổ phần Vie Digital ("VIE Digital") (ii)	Cung cấp dịch vụ quảng cáo.	99%	97,99%	99%	97,99%
12	Công ty Cổ phần Cybersite ("CYB") (vi)	Cung cấp dịch vụ quảng cáo và hoạt động tư vấn quản lý.	-	-	99%	98,01%
13	Công ty Cổ phần VIEON ("VIEON") (ii)	Tư vấn quản lý, quảng cáo, thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, sản xuất các sản phẩm và dịch vụ phần mềm.	97,99%	97,99%	99%	98,01%
14	Công ty Cổ phần AI ACTIV ("AI ACTIV") (ii)	Cung cấp dịch vụ xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan.	85%	84,15%	85%	84,15%

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	31/12/2024		1/1/2024	
			% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
<b>Công ty con sở hữu gián tiếp</b>						
15	Công ty Cổ phần VieZ ("VIEZ") (ii)	Cung cấp dịch vụ quảng cáo thương mại và quảng cáo trên màn hình.	99%	98,01%	99%	98,01%
16	Công ty Cổ phần Vie Network ("VIE Network") (ii)	Sản xuất phần mềm; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, video, chương trình truyền hình; hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc; hoạt động viễn thông; hoạt động công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan; công nghệ thông tin; hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính; hoạt động tư vấn quản lý; quảng cáo; nghiên cứu thị trường và thăm dò dự luận; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác; hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí.	99%	98,01%	99%	98,01%
17	Công ty Cổ phần Eternal Vision ("Eternal") (ii)	Tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý).	99,99%	98,99%	-	-
18	Công ty Cổ phần Innocore ("Innocore") (ii)	Tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý).	99,99%	98,99%	-	-
19	Công ty Cổ phần Vie Board (i)	Dịch vụ quảng cáo.	51%	50,49%	-	-

- (i) Các công ty con gián tiếp này là công ty con của Công ty Cổ phần DATVIET VAC Entertainment (trước đây là Công ty Cổ phần DATVIET VAC M&E).
- (ii) Các công ty con gián tiếp này là công ty con của Công ty Cổ phần DatViet VAC Digital Ventures.
- (iii) Các công ty con gián tiếp này là công ty con của Công ty Cổ phần Datviet VAC Media.

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Các công ty con gián tiếp này là công ty con của Công ty Cổ phần Datviet VAC Vision.

Tất cả các công ty con được thành lập tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

(v) Trong năm, Tập đoàn đã mua lại 30% vốn cổ phần của các công ty con này từ GroupM Asia Pacific Holding Pte. Limited. Sau giao dịch này, vốn cổ phần của Tập đoàn trong các công ty con này tăng từ 68,99% lên 98,99%.

(vi) Vào ngày thành lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đã hoàn thành các thủ tục giải thể KAR và CYB.

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

042  
NH  
TY  
PN  
H

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

**(iii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi lợi ích của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, lỗ lũy kế thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các giao dịch và số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**(v) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty.

Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

101-6  
NH  
INH  
G  
JHT

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con trong năm được quy đổi sang đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời hạn gốc đến kỳ đáo hạn lớn hơn ba tháng kể từ ngày gửi. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Các khoản phải thu**

Phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Hàng tồn kho gồm các loại sau:

**(i) Bản quyền chương trình và phim được mua**

Bản quyền chương trình và phim phản ánh chi phí mua cho một khoảng thời gian phát sóng nhất định và được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá mua khi bản quyền nội địa tại thời điểm nhận được các hợp đồng đã được ký duyệt và phim đã được giao từ nhà cung cấp.

**(ii) Phim sản xuất**

Các phim đã sản xuất hoặc vẫn đang trong quá trình sản xuất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh chi phí sản xuất hoặc mua các phim truyền hình dài tập và phim chưa phát sóng.

**(iii) Thời lượng quảng cáo**

Thời lượng quảng cáo dưới hình thức điện tử hay in ấn thể hiện thời lượng được mua hoặc nhận do ưu đãi từ các chủ sở hữu truyền thông nhưng chưa được phát sóng hoặc đăng báo tại ngày báo cáo. Giao dịch trao đổi được xác định theo giá trị thị trường của hàng hóa hoặc dịch vụ nhận được. Giá trị thị trường được xác định bằng các thỏa thuận được thực hiện với các khách hàng khác cho cùng loại giao dịch.

**(iv) Chương trình sản xuất**

Các chương trình đã sản xuất hoặc vẫn đang trong quá trình sản xuất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh chi phí sản xuất hoặc mua các chương trình trò chơi chưa phát sóng.

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập để bù đắp cho khoản lỗ ước tính phát sinh do giảm giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn, dựa trên bằng chứng thích hợp về việc giảm giá trị tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ máy móc và thiết bị	3 - 6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 - 6 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 7 năm.

**(ii) Chương trình phát sóng**

Nguyên giá của chương trình phát sóng bao gồm toàn bộ chi phí nghiên cứu, mua bản quyền định dạng, tiền kỳ, sản xuất và hậu kỳ và thuộc sở hữu của Tập đoàn để đưa vào sử dụng kinh doanh. Chương trình phát sóng được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ lúc bắt đầu phát sóng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được báo cáo là chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong kỳ mà số tiền được thanh toán hoặc khoảng thời gian mà các lợi ích kinh tế được tạo ra liên quan đến các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Công cụ, vật tư tiêu hao có giá trị lớn đưa vào sản xuất và có thời hạn sử dụng trên một năm;
- Chi phí vận hành kênh; và
- Chi phí thuê và xây dựng bảng hiệu.

**(ii) Công cụ dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 4 năm.

**(k) Các khoản phải trả**

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(m) Vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận mệnh giá. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

CH  
HH  
M/M

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản nhận được hoặc phải thu, không bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các tiêu chí ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

**(i) Doanh thu bán thời lượng quảng cáo**

Doanh thu bán thời lượng quảng cáo được ghi nhận khi các dịch vụ này được thực hiện và được xác định tại thời điểm phát sóng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo**

Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

**(iii) Doanh thu bán chương trình sản xuất**

Doanh thu sản xuất chương trình được ghi nhận tại thời điểm chương trình được thực hiện theo hợp đồng được xác định tại thời điểm phát sóng.



**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giao dịch trao đổi đòi hỏi phải trao đổi các chương trình truyền hình để lấy các điểm truyền thông trên các đài truyền hình (hàng hóa hoặc dịch vụ không tương đương). Giao dịch trao đổi được ghi nhận cáo theo giá trị thị trường của hàng hóa hoặc dịch vụ nhận được giá trị thị trường được xác định bằng các thỏa thuận được thực hiện với các khách hàng khác cho cùng loại giao dịch. Doanh thu từ giao dịch trao đổi hàng hóa được ghi nhận khi các chương trình tương ứng được phát sóng.

**(iv) Doanh thu bán bản quyền chương trình và phim**

Doanh thu bán bản quyền được ghi nhận vào thời điểm bản quyền chương trình được khách hàng tiếp nhận và đồng ý.

**(v) Doanh thu bán phim cho nhà phân phối**

Doanh thu được ghi nhận khi giao nội dung cho nhà phân phối, tương ứng với thời điểm hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng. Sau đó, các nhà phân phối chịu hoàn toàn trách nhiệm bán phim và Tập đoàn không có nghĩa vụ nào khác.

**(vi) Doanh thu bán phim cho các nhà đài truyền hình**

Doanh thu được ghi nhận khi các đài truyền hình phát sóng phim tương ứng với thời điểm hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng. Phim chỉ được phát sóng sau khi được các đài truyền hình biên tập và phê duyệt nội dung, phù hợp với thời điểm phát sóng của phim. Các đài truyền hình sau đó sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về các bộ phim và Tập đoàn không có nghĩa vụ nào khác.

**(vii) Doanh thu nhận tài trợ sản xuất các trò chơi truyền hình**

Tập đoàn ký kết các thỏa thuận với khách hàng về việc nhận tài trợ sản xuất các chương trình truyền hình để đổi lấy việc đặt tên thương hiệu hoặc sản phẩm của khách hàng trong thời gian phát sóng các chương trình được tài trợ. Doanh thu tài trợ được ghi nhận khi chương trình truyền hình được phát sóng theo các điều khoản trong hợp đồng.

**(viii) Doanh thu nhận tài trợ sản xuất phim**

Tập đoàn ký kết thỏa thuận với các nhà tài trợ để sử dụng sản phẩm làm quảng cáo trong các cảnh quay của phim. Thỏa thuận hợp đồng nêu rõ (i) Tập đoàn phải gửi những bộ phim có đầy đủ thời lượng quảng cáo đã thỏa thuận cho nhà tài trợ để xem xét và chấp thuận hoặc (ii) nhà tài trợ xác nhận rằng lịch phát sóng của nhà đài đã đủ.

Doanh thu tài trợ được ghi nhận sớm hơn khi (i) nhà tài trợ chấp nhận thực hiện nghĩa vụ hoặc (ii) khi phim được phát sóng.

3120  
HIN  
NG  
KPI  
H01

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ix) Doanh thu hoa hồng đại lý**

Doanh thu hoa hồng đại lý, thường được lấy từ hoa hồng và phí tư vấn cho dịch vụ quảng cáo được ghi nhận theo các điều khoản về thỏa thuận hợp đồng.

**(x) Doanh thu cung cấp dịch vụ khác**

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

**(xi) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức thực tế của tài sản) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(r) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.



**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	34.518.962.382	3.863.483.662
Tiền gửi ngân hàng	232.990.463.805	129.416.502.957
Các khoản tương đương tiền	206.535.128.071	416.844.947.796
	474.044.554.258	550.124.934.415
	474.044.554.258	550.124.934.415

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,0% đến 4,2% một năm (1/1/2024: 3,5% đến 4,5% một năm).

**5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc trên ba tháng kể từ ngày gửi và có thời gian đáo hạn còn lại không quá một năm kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng tiền lãi với lãi suất dao động từ 4,0% đến 6,2% một năm (1/1/2024: 4,0% đến 8,3% một năm).

**6. Phải thu của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>31/12/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	202.646.792.851	135.506.468.080
Công ty Cổ phần Uniben	108.323.752.117	55.334.377.817
Công ty TNHH Truyền Thông WPP	100.865.811.070	108.887.479.822
Công ty TNHH Shopee	37.597.914.913	46.552.496.120
Các khách hàng khác	734.936.392.686	544.013.648.560
	1.184.370.663.637	890.294.470.399
	1.184.370.663.637	890.294.470.399

CH  
 ÔN  
 VHP

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty Cổ phần Vie Shop	-	7.053.549.184

Phải thu thương mại từ các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**7. Trả trước cho người bán**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đài Truyền hình và Phát thanh Vĩnh Long	9.150.926.846	6.769.720.601
Trung tâm Dịch vụ Truyền hình – Thành phố Hồ Chí Minh	34.722.222.222	21.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	9.589.330.016	14.969.984.988
	53.462.479.084	42.739.705.589

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Ký quỹ, ký cược	9.135.623.933	5.306.666.615
Lãi tiền gửi	803.930.614	3.645.866.749
Tạm ứng cho nhân viên	593.525.725	2.770.907.529
Tiền thưởng nhận được	287.568.614	2.747.310.591
Phải thu Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (*)	-	2.187.101.393
Khác	10.103.642.059	5.333.926.115
	20.924.290.945	21.991.778.992

(\*) Đây là khoản phải thu theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh ngày 9 tháng 3 năm 2020 liên quan sản xuất và phát triển phim, hưởng lợi nhuận được chia theo tỷ lệ vốn góp. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, dự án đã hoàn thành và các bên liên quan đã thanh lý hợp đồng.

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Dự phòng phải thu khó đòi**

Biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	8.814.698.394	9.250.398.394
Dự phòng trích lập trong năm	1.712.520.000	1.206.300.000
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.608.000.000)	(1.642.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	8.919.218.394	8.814.698.394

**10. Hàng tồn kho**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Bản quyền chương trình và phim	188.917.041.522	-	189.826.806.316	-
Phim sản xuất	19.427.268.343	(2.709.822.060)	50.763.431.393	-
Chương trình sản xuất	21.733.401.063	-	45.257.465.237	-
Thời lượng quảng cáo	4.407.688.783	-	4.090.547.417	-
Công cụ và dụng cụ	5.351.515	-	20.383.332	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	234.490.751.226	(2.709.822.060)	289.958.633.695	-

Số dư cuối năm của khoản dự phòng hàng tồn kho thể hiện khoản dự phòng được trích lập trong năm.

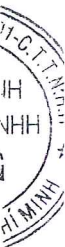
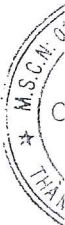
**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	47.740.186.965	2.204.529.655	36.129.494.055	86.074.210.675
Tăng trong năm	1.859.779.090	-	4.306.239.090	6.166.018.180
Xóa sổ	-	-	(2.198.702.728)	(2.198.702.728)
Số dư cuối năm	49.599.966.055	2.204.529.655	38.237.030.417	90.041.526.127
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	35.820.617.516	1.239.202.829	29.896.237.092	66.956.057.437
Khấu hao trong năm	5.241.154.895	243.139.794	4.019.344.102	9.503.638.791
Xóa sổ	-	-	(145.444.064)	(145.444.064)
Số dư cuối năm	41.061.772.411	1.482.342.623	33.770.137.130	76.314.252.164
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	11.919.569.449	965.326.826	6.233.256.963	19.118.153.238
Số dư cuối năm	8.538.193.644	722.187.032	4.466.893.287	13.727.273.963

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 52.517 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 19.891 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Chương trình phát sóng VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	160.185.485.070	10.214.434.929	170.399.919.999
Tăng trong năm	-	18.806.200.000	18.806.200.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)	68.397.758.096	22.953.357.955	91.351.116.051
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>228.583.243.166</b>	<b>51.973.992.884</b>	<b>280.557.236.050</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	131.969.697.599	3.291.317.924	135.261.015.523
Khấu hao trong năm	28.202.938.913	14.365.131.778	42.568.070.691
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>160.172.636.512</b>	<b>17.656.449.702</b>	<b>177.829.086.214</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	28.215.787.471	6.923.117.005	35.138.904.476
Số dư cuối năm	68.410.606.654	34.317.543.182	102.728.149.836

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản cố nguyên giá 26.771 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 23.349 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
Số dư đầu năm	98.615.897.342	57.549.187.139
Tăng trong năm	38.941.206.033	58.130.396.661
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(6.008.000.000)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 12)	(91.351.116.051)	(10.310.569.929)
Xóa sổ	-	(745.116.529)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>46.205.987.324</b>	<b>98.615.897.342</b>

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản mục như sau:

	<b>31/12/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phần mềm	16.660.790.454	72.498.667.628
Phim sản xuất	29.545.196.870	26.117.229.714
	<hr/>	<hr/>
	<b>46.205.987.324</b>	<b>98.615.897.342</b>

#### **14. Chi phí trả trước**

##### **(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí vận hành kênh	6.417.024.159	2.141.455.272
Công cụ và dụng cụ	1.394.872.220	349.839.897
Phí thuê bảng hiệu	323.360.990	2.564.781.842
Khác	8.930.169.096	8.225.158.944
	<hr/>	<hr/>
	<b>17.065.426.465</b>	<b>13.281.235.955</b>

##### **(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công cụ và dụng cụ	802.275.482	1.173.373.813
Chi phí vận hành kênh	366.638.010	1.032.029.145
Phí thuê và xây dựng bảng hiệu	1.880.988.138	3.091.877.855
Khác	1.465.159.006	553.519.733
	<hr/>	<hr/>
	<b>4.515.060.636</b>	<b>5.850.800.546</b>

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đầu tư vào công ty liên kết (a)	102.379.999.999	102.379.999.999
Đầu tư dài hạn khác (b)	420.000.000	420.000.000
	102.799.999.999	102.799.999.999

**(a) Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết	Ngành nghề	31/12/2024 và 1/1/2024			
		Số lượng	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Giải pháp Quảng cáo trực tuyến ANTS ("ANTS")	Cung cấp dịch vụ quảng cáo kỹ thuật số	1.361.730	46,87%	102.379.999.999	-

**(b) Đầu tư vào đơn vị khác**

Công ty	Ngành nghề	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %	31/12/2024		1/1/2024	
			Giá trị gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH DDB Việt Nam	Cung cấp dịch vụ quảng cáo và tiếp thị thương mại	10%	420.000.000	-	420.000.000	-

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có thông tin về giá thị trường và hiện chưa có hướng dẫn về việc xác định giá trị hợp lý bằng các kỹ thuật định giá theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Hệ thống Kế toán Việt Nam cho các doanh nghiệp. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của nó.

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Thuế suất	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Lãi vay vượt mức cho phép được khấu trừ và chi phí phải trả	20%	9.911.465.966	2.148.553.007
Khác	20%	3.431.031.540	2.076.194.184
		13.342.497.506	4.224.747.191

**17. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	31/12/2024 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2024 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Winmedia	53.151.862.824	20.207.144.508
Trung tâm Dịch vụ Truyền hình Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	27.758.187.237	41.983.347.192
Google Asia Pacific Pte Ltd	18.466.664.650	19.215.223.778
Công ty TNHH Truyền hình Cấp Saigontourist	15.521.486.986	34.830.298.037
Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam	5.041.696.666	17.420.484.545
Các nhà cung cấp khác	395.087.433.437	361.656.301.092
	515.027.331.800	495.312.799.152

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	31/12/2024 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2024 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Vie Shop	-	133.181.260





**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Chi phí phải trả**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí mời nghệ sĩ	96.488.940.055	33.930.853.813
Chiết khấu doanh số	33.553.427.958	-
Phí dịch vụ mua ngoài	26.181.261.745	11.586.278.049
Chi phí sản xuất chương trình	15.890.786.561	20.419.434.283
Phí sản xuất phim	6.354.634.097	20.672.166.234
Thưởng cho nhân viên	12.075.063.756	7.745.271.179
Phí thuê bảng hiệu	218.556.612	4.092.658.816
Phí hoa hồng	-	350.000.000
Khác	4.869.528.110	6.659.418.904
	195.632.198.894	105.456.081.278

**20. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Dịch vụ truyền dẫn phát sóng kênh truyền hình	100.442.227.280	4.558.469.282
Dịch vụ quảng cáo ngoài trời	983.398.318	4.458.966.171
Nhận tài trợ sản xuất các chương trình	-	100.000.000
Doanh thu bán vé chương trình concert	7.867.983.250	-
Khác	2.421.049.855	1.512.821.105
	111.714.658.703	10.630.256.558

**21. Phải trả khác**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Thưởng doanh số	6.430.309.856	7.631.287.530
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	7.142.693.376	12.883.654.621
Cổ tức	2.035.886.880	25.821.783.731
Khác	8.960.446.072	9.849.162.895
	24.569.336.184	56.185.888.777

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**22. Vay ngắn hạn**

	Biến động trong năm		31/12/2024
	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	992.887.203.933	(867.125.806.814)	394.289.416.411
	268.528.019.292		

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay ngắn hạn không có đảm bảo như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam)	VND	3,4% - 4,8%	269.839.317.411	135.457.009.109
Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên United Overseas Bank Việt Nam (Việt Nam)	VND	3,1% - 4,5%	124.450.099.000	133.071.010.183
			394.289.416.411	268.528.019.292

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**23. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	649.233.740.000	186.162.299.330	162.621.350	427.634.905.170	21.189.483.287	1.284.383.049.137
Vốn góp từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	1.681.550.000	1.681.550.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	104.717.583.372	14.310.870.785	119.028.454.157
Cổ tức đã công bố (*)	-	-	-	(205.158.908.074)	(36.599.072.204)	(241.757.980.278)
Điều chỉnh lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(72.375.521.559)	72.375.521.559	-
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024</b>	649.233.740.000	186.162.299.330	162.621.350	254.818.058.909	72.958.353.427	1.163.335.073.016
Phát hành cổ phiếu	4.057.710.000	57.152.110.000	-	-	-	61.209.820.000
Vốn góp từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	7.275.300.000	7.275.300.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	144.377.705.572	(1.620.324.429)	142.757.381.143
Cổ tức đã công bố (*)	-	-	-	(57.950.862.673)	(27.361.048.485)	(85.311.911.158)
Thu hồi vốn đầu tư từ công ty con đã giải thể	-	-	-	3.177.109.595	-	3.177.109.595
Thay đổi tỷ lệ sở hữu với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(255.943.398.908)	(17.154.613.896)	(273.098.012.804)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	653.291.450.000	243.314.409.330	162.621.350	88.478.612.495	34.097.666.617	1.019.344.759.792

(\*) Vào ngày 30 tháng 1 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua việc chia cổ tức dựa trên kết quả kinh doanh năm 2021, 2022 với tổng số tiền là 57.950.862.673 VND (893 VND/cổ phiếu) (2023: chia cổ tức dựa trên kết quả kinh doanh năm 2020, 2021 và 2022 với tổng số tiền là 205.158.908.075 VND (3.160 VND/cổ phiếu)).

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của công ty:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	65.329.145	653.291.450.000	64.923.374	649.233.740.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	65.329.145	653.291.450.000	64.923.374	649.233.740.000
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	65.329.145	653.291.450.000	64.923.374	649.233.740.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Cơ cấu cổ đông Công ty như sau:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Vốn cổ phần VND	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn cổ phần VND	Tỷ lệ sở hữu %
Ông Đinh Bá Thành	305.878.920.000	46,821%	308.354.130.000	47,495%
Ông Đào Văn Kính	195.561.920.000	29,935%	197.144.430.000	30,366%
MET VM Holding Pte. Ltd.	87.568.680.000	13,404%	87.568.680.000	13,488%
Ông Hoàng Trọng Khải	55.715.650.000	8,529%	56.166.500.000	8,651%
TC D-Media Pte. Ltd.	8.566.280.000	1,311%	-	-
	653.291.450.000	100%	649.233.740.000	100%

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**25. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	<b>31/12/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	32.753.371.523	52.401.862.084
Trong vòng hai đến năm năm	4.235.328.666	14.335.905.870
	<u>36.988.700.189</u>	<u>66.737.767.954</u>

**(b) Ngoại tệ**

	<b>31/12/2024</b>		<b>1/1/2024</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
USD	1.096.815	30.843.126.907	719.135	17.382.219.400

**26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>2024</b>	<b>2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán thời lượng quảng cáo	1.403.463.209.869	1.329.658.802.476
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	905.321.882.437	927.117.228.551
▪ Doanh thu bán chương trình và phim sản xuất bản quyền chương trình và phim	514.224.491.601	534.640.065.675
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	1.001.499.215.820	620.150.473.301
	<u>3.824.508.799.727</u>	<u>3.411.566.570.003</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	73.466.796.335	19.492.225.852
Doanh thu thuần	<u>3.751.042.003.392</u>	<u>3.392.074.344.151</u>

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b> <b>(Phân loại lại)</b>
Giá vốn thời lượng quảng cáo	1.210.721.835.373	1.126.009.749.973
Giá vốn cung cấp dịch vụ quảng cáo	839.156.070.427	921.254.788.177
Giá vốn chương trình và phim sản xuất, bản quyền chương trình và phim	399.167.894.042	405.151.049.471
Khác	648.630.098.311	361.348.356.145
	<b>3.097.675.898.153</b>	<b>2.813.763.943.766</b>

**28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	14.515.430.489	23.163.903.476
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.191.869.607	10.934.895.453
Khác	3.007.777.854	1.167.017.688
	<b>24.715.077.950</b>	<b>35.265.816.617</b>

**29. Chi phí tài chính**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Lãi vay	10.340.116.572	4.632.077.661
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và thu hồi các khoản đầu tư	5.430.824.198	6.662.356.990
	<b>15.770.940.770</b>	<b>11.294.434.651</b>

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**30. Chi phí bán hàng**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b> <b>(Phân loại lại)</b>
Dịch vụ mua ngoài	77.584.216.158	49.372.965.086
Chi phí nhân viên	11.878.441.599	10.036.507.329
Khác	59.915.067	1.224.569.558
	89.522.572.824	60.634.041.973

**31. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b> <b>(Phân loại lại)</b>
Chi phí nhân viên	244.181.908.254	240.134.840.465
Dịch vụ mua ngoài	47.531.037.517	51.283.257.275
Phí thuê	16.296.703.936	15.264.808.482
Khấu hao và phân bổ	7.734.401.188	6.675.656.226
Khác	26.184.838.682	26.908.413.664
	341.928.889.577	340.266.976.112

**32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Chi phí nội dung phát sóng có bản quyền	2.455.082.592.753	2.339.298.754.909
Chi phí nhân viên	311.064.072.592	311.064.072.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	304.605.874.852	254.657.098.025
Chi phí phân bổ và khấu hao	52.071.709.482	38.272.636.900
Khác	406.303.110.875	271.372.399.425
	3.529.127.360.554	3.214.664.961.851

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**33. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2024 VND	2023 VND
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	94.631.387.963	85.036.142.609
Dự phòng thiếu trong năm trước	162.100.000	94.448.179
	94.793.487.963	85.130.590.788
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(9.117.750.315)	(795.146.631)
	85.675.737.648	84.335.444.157

**(b) Điều chỉnh thuế suất áp dụng**

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	228.433.118.791	203.363.898.314
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	45.686.623.758	40.682.350.423
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	38.418.313.382	42.266.518.506
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.408.700.508	1.292.127.049
Dự phòng thiếu trong năm trước	162.100.000	94.448.179
	85.675.737.648	84.335.444.157

**(c) Thuế suất áp dụng**

Thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho Công ty và các công ty con chưa tính các ưu đãi là 20%.

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### 34. Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	<b>2024</b>	<b>2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	144.377.705.572	104.717.583.372
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (số cổ phiếu)	65.227.702	64.923.374
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.213	1.614

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

### 35. Giao dịch với cổ đông không kiểm soát

Như đã trình bày tại Thuyết minh 1(d)(v), trong năm, Tập đoàn đã mua lại 30% vốn cổ phần của các công ty con này từ GroupM Asia Pacific Holding Pte. Limited với tổng giá mua là 273 tỷ VND. Sau giao dịch này, vốn cổ phần của Tập đoàn trong các công ty con này tăng từ 68,99% lên 98,99%, đồng thời Tập đoàn ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối khoản lỗ phát sinh từ giao dịch này là 256 tỷ VND.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới lợi nhuận sau thuế giữ lại của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	<b>Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.291.985.652
Các khoản phải thu – ngắn hạn	254.310.204.313
Hàng tồn kho	7.858.854.748
Tài sản ngắn hạn khác	5.692.065.804
Các khoản phải thu – dài hạn	5.994.000
Tài sản cố định – thuần	895.310.811
Tài sản dài hạn khác	1.010.112.365
Nợ phải trả ngắn hạn	(267.705.242.506)
Nợ phải trả dài hạn	(1.880.583.687)
	17.478.701.500
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	17.478.701.500
Khoản thanh toán cho việc mua lại	273.422.100.408
Lỗ ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 23)	(255.943.398.908)

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
<b>Các bên liên quan</b>		
<b>Các cổ đông cá nhân</b>		
Cổ tức công bố	52.521.409.640	177.487.064.079
Cổ tức đã trả	1.571.930.691	287.574.388.575
Bán đầu tư vào công ty con	11.401.851	-
Nhận góp vốn	4.716.300.000	-
<b>MET VM Holding Pte. Ltd.</b>		
Cổ tức công bố	7.816.412.357	27.671.843.996
Cổ tức đã trả	20.530.713.738	44.835.456.935
<b>Group M Asia Pacific Holding Pte. Limited</b>		
Cổ tức công bố	18.956.700.569	27.266.824.022
Cổ tức đã trả	27.496.114.755	2.068.878.539
<b>Công ty TNHH Người dẫn đầu</b>		
Cổ tức công bố	631.890.019	-
Cổ tức đã trả	576.124.878	-
<b>Group M Asia Pacific Holding Pte. Limited</b>		
Cổ tức công bố	61.250.000.000	-

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**37. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Một số số liệu thông tin so sánh khác cũng được phân loại lại cho phù hợp với quy định về trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2023 VND (Phân loại lại)	2023 VND (theo báo cáo trước đây)
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.813.763.943.766	2.795.497.352.323
Chi phí bán hàng	60.634.041.973	14.545.288.138
Chi phí quản lý doanh nghiệp	340.266.976.112	404.622.321.390

Ngày 11 tháng 7 năm 2025

Người lập:



Lê Thị Hồng Hoa  
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Đinh Bá Thành  
 Tổng Giám đốc

**Chứng thực bản sao  
 đúng với bản chính**

Ngày: 03-03-2026

Số chứng thực: 9775 Quyển số: 03/2076 SGT/BS

Công Chứng Viên



*Nguyễn Thị Hoa Mỹ*